TOÀ ÁN NH DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:18/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 20/3/2023.
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NH DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NH DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngà.

Các Hội thẩm nH dân: Bà Doãn Thị Lệ và ông Nguyễn Bá Lý.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Vân - Cán bộ Toà án nH dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nH dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nH dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 850/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/11/2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2023 của Tòa án nH dân thành phố Pleiku, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ng, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 56B Tôn Thất T, phường Phù Đổng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh Tô Thanh T, sinh năm 1976

Địa chỉ: 23B H, tổ 3, phường D, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

(Chị Ng có mặt; anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Ng trình bày:

- Về hôn nH: Vào năm 2019 tôi với anh Tô Thanh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân phường Diên Hồng, thành phố Pleiku, đến ngày 16/11/2020 cả hai đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 469/2020/QĐST-HNGĐ, sau đó cả hai vì con chung nên tiếp tục quay về chung

sống và tự nguyện đăng ký kết hôn lại vào ngày 11/12/2020 tại Ủy ban nH dân phường Diên Hồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Khi tôi quay về để tiếp tục chung sống thì bản tH tôi nhận thấy không hạnh phúc nên cả hai lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nH mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung từ đó dẫn tới việc cãi vã xảy ra liên tục. Mâu thuẫn gia đình đã quá trầm trọng, anh T đã bế con gái là Tô Ngọc H ra ở riêng, bản tH tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nH không đạt được, vì vậy tôi viết đơn khởi kiện ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T.

- Về con chung: Tôi và anh T có 01 con chung là Tô Ngọc H, sinh ngày 15/10/2019. Hiện tại cháu H đang ở với anh T vì vậy ly hôn tôi đồng ý giao con chung là Tô Ngọc H cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và tự lập.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại tôi không thấy anh T có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Đối với bị đơn là anh Tô Thanh T, trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng *(Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về phiên hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa)* cho anh T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; anh T đã nhận được nhưng không đến Toà án để làm việc cũng không cung cấp cho Toà án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Ng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn cư trú tại thành phố Pleiku nên Tòa án nH dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét về tình cảm giữa chị Ng với anh T, chị Ng nhận thấy hôn nH không hạnh phúc nên không thể kéo dài và đề nghị được ly hôn với anh T. Về con chung, sau khi cả hai sống ly tH con chung là cháu Tô Ngọc H, sinh ngày 15/10/2019 anh T đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, theo nguyện vọng của chị Ng giao con chung cháu Tô Ngọc H cho anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và tự lập là hợp lý; về cấp dưỡng nuôi con, chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí ly hôn sơ thẩm, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Thị Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Tô Thanh T có địa chỉ tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Đây là vụ án: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH dân thành phố Pleiku theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Ng và anh T tự nguyện tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 11/12/2020 tại Ủy ban nH dân phường Diên Hồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai theo quy định của Luật hôn nH và gia đình nên là hôn nH hợp pháp.

Vào năm 2019 chị Trần Thị Ng với anh Tô Thanh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân phường Diên Hồng, thành phố Pleiku và có một con chung là cháu Tô Ngọc H, sinh ngày 15/10/2019; đến ngày 16/11/2020 cả hai đã thỏa thuận thuận tình ly hôn theo Quyết định số: 469/2020/QĐST-HNGĐ, sau đó cả hai tiếp tục quay về và tự nguyện đăng ký kết hôn lại vào ngày 11/12/2020 tại Ủy ban nH dân phường Diên Hồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Qua xác minh tại tổ 3, phường Diên Hồng, thành phố Pleiku; địa phương cung cấp: anh Tô Thanh T có đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng anh T không thường xuyên có mặt ở địa phương, còn về tình trạng hôn nH giữa anh T với chị Ng địa phương không nắm rõ vì gia đình không khai báo, đối với chị Ng không sinh sống tại địa phương.

Xét về tình cảm giữa chị Ng với anh T mặc dù cả hai đã từng ly hôn nhưng sau đó cả hai quay lại để con cái có cuộc sống đầy đủ, tuy nhiên khi quay lại và tự nguyện đăng ký kết hôn cả hai vẫn không có tiếng nói chung, dẫn đến hôn nH lại tiếp tục đổ vỡ, thời gian cả hai sống ly tH nhưng cả hai đều không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đến nay chị Ng không còn tình cảm yêu thương anh T vì lý do cả hai không có có tiếng nói chung, hôn nH không hạnh phúc, mâu thuẫn gia đình càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nH không đạt dẫn đến chị Ng muốn được ly hôn anh T là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung, chị Ng với anh T có 01 con chung là Tô Ngọc H, sinh ngày 15/10/2019. Hiện tại cháu H đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, vì vậy chị Ng có nguyện vọng giao con chung là Tô Ngọc H cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và tự lập là hoàn toàn hợp lý.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn chị Trần Thị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong phần quyết định.

Về án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng nguyên đơn phải chịu toàn bộ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 227, 146, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nH và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 *(Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án)* và Danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Ng.

Chị Trần Thị Ng được ly hôn anh Tô Thanh T.

2. Giao con chung là Tô Ngọc H, sinh ngày 15/10/2019 cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nH, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí:

Buộc chị Trần Thị Ng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án đã nộp là: 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số: 0002836 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Ng đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (20/3/2023). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP.Pleiku;
- Chi cục THADS Tp.Pleiku;
- (UBND phường Diên Hồng; Số: 65, ĐKKH ngày 11/12/2020).
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA